TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHƯỚC LONG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2017/HNGĐ-ST
Ngày 17-8-2017
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nghĩa
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ngần
Ông Phạm Khoa Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long *tham gia phiên tòa*: Ông Lê Đức Thọ – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2017/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2017/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2017/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Đức C, sinh năm 1986 (vắng mặt)
Địa chỉ: Đội C, thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

2. Bị đơn: Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1985 (vắng mặt)
Địa chỉ: Khu phố G, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Đức C:

Anh C và chị T sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện về chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Phước vào ngày 16/9/2009. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do chị T không quan tâm, không tin tưởng anh C, bất đồng quan điểm sống và chị T thường xuyên bỏ nhà đi. Nay anh C thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ý kiến của bị đơn Nguyễn Thị Thu T:

Chị T thống nhất với ý kiến trình bày của anh C về việc anh chị tự nguyện về chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn, về tình trạng hôn nhân cũng như về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Nay chị T đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của anh C, bởi anh C có quan hệ với người phụ nữ khác nhưng do chị T theo đạo thiên chúa nên không ký giấy ly hôn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin được ly hôn với chị T.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.
- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn có bị đơn trú tại địa phận thị xã P, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long quy định khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn Nguyễn Đức C có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn Nguyễn Thị Thu T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Anh C và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Phước vào ngày 16/9/2009, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh C và chị T đều thống nhất thừa nhận trong quá trình chung sống giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và hiện nay đều xác định tình trạng hôn nhân giữa anh chị là không thể khắc phục được, mục đích hôn nhân không đạt được nên hai bên đều thống nhất ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Đức C.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh C và chị T thống nhất trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Nguyễn Đức C được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu T.

2. Về án phí:

Anh C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình không có giá ngạch, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) anh C đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005594 ngày 02 tháng 3 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND thị xã Phước Long*
- *Chi cục THADS thị xã Phước Long;*
- *UBND phường P;*
- *Các Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Minh Nghĩa